

AIP
43



COTAB

VIRGINIE

S. I. L. I. Saigon.

(Publication autorisée par arrêté du Gouverneur
Général N° 499-N du 17 Juillet 1942)

Le Gérant : HO-VAN KY-TRAN,

SỐ 63 — GIÁ 0\$25

NGÀY 2 DÉCEMBRE 1943

Trần báo

Giám-đọc: HỒ-VĂN-TRUNG *

BÀO QUẢN, 5 ĐƯỜNG REIMS, SAIGON — ĐIỆN-THOẠI SỐ 21.543

Trần báo
43



Chichi Con



MOLIERE



MOLIERE

Molière, tên thật là Jean-Baptiste Poquelin, sinh tại Paris ngày 15 Janvier 1622. Thân phụ ông trước làm nghề bán khảm, sau làm chức tôi hầu nhà vua. Ông học giỏi, học tại trường Clermont (nay là trường Trung-học Louis-le-Grand) từ năm 1636 tới 1640, rồi qua học luật tại thành Orléans, ra làm Trang sư (ô đờ, song ở ở tập bả) họ cho ai. Sau ông nổi nghiệp của mà làm tôi hầu nhà vua được ít lâu, rồi ông từ chối để theo nghề diễn-kịch.

Năm 1643, cùng vài người bạn, ông lập một kịch-đoạn hiện là *Thầy Thuốc*. Ông vừa làm bầu gánh, vừa làm tuồng, vừa diễn tuồng. Tuy 7 năm diễn gánh hát bị tố nhiều, song từ 1645 tới 1658 ông cứ đem đi hát khắp miền trung-ương và miền nam nước Pháp. Năm 1658 ông trở về Paris, đây là nghề-thuật của ông về các loại của đã được phát triển hoàn toàn, hát đầu diễn tại đền Louvre cho vua Louis XIV xem, rồi gánh hát ông được phép ở tại nhà hát Petit-Bourbon, lấy hiệu *Truồng de Monsieur* (Ngư-Đê-Ban), đến năm 1661 lại được vào ở tại nhà hát Palais-Royal.

Từ đây kịch-nghe của ông bắt đầu rõ ràng. Ông quan sát nhơn tình rất kỹ. Văn ông thiết hay, tân-văn hay vân-vân cũng vậy, nhờ đó nên ông được cái biệt tài về hài-kịch.

Tác-phẩm của ông rất nhiều. Phải kể sơ : Les précieuses ridicules (1659), Sganarelle (1660), Don Garcie de Navarre - L'école des maris (1661), Les fâcheux - L'école des femmes (1662), La critique de l'école des femmes - L'impromptu de Versailles (1663).

Ông cưới vợ năm 1662, được vua Louis XIV bảo trợ, làm cha đỡ đầu cho con trưởng-nam của ông, lại giao cho ông tổ-chức các cuộc diễn tuồng tại những đền Versailles, Saint-Germain và Chambord.

Văn-tài của ông càng ngày càng thêm nảy

ng. Từ tuồng Tartuffe diễn năm 1664, ông nung nghề hài-kịch lên cao vui-vui to to, chưa từng thấy. Rồi đó liên tiếp ông đặt thêm những tuồng: Don Juan (1665), Le Méandre - Le médecin malgré lui (1666), Amphitryon - L'avare (1668), Monsieur de Pourceaugnac (1669), Les amants magnifiques (1670), La comtesse d'Arbagnon - Les fourberies de Scapin - Le bourgeois gentilhomme - Psyché (1671).

Sau hết ông sản-xuất hai tiểu tuồng kiệt-tác này: Les femmes savantes (1672) và Le malade imaginaire (1673).

Vì lao tâm lao lực thái quá, ông phải yếu sức, nên bữa 17 Février 1673 ông đứng đóng vai chánh diễn tuồng « Le malade imaginaire » (hình-linh ông xiêu. Chờ ông về nhà kể vài giờ sau ông tắt hơi. An táng ông tại nghĩa-địa Saint-Joseph ở Paris.

Trong các tác-phẩm Molière, có lẽ bốn tuồng « Les femmes savantes » có ích cho xã-hội hơn hết, vì trong ấy tác-giả bàn nhiều vấn-đề rất quan hệ căn yếu như : giáo-dục phụ-nữ, bổn phận đàn bà trong gia-đình, học-thức chơn-chánh và khiêm-tốn.

Ông Nguyễn-ngọc-Ăn có biệt tài về nghề phiên dịch pháp-văn, các học-giã thấy đều công nhận, ông nghĩ vì tuồng « Les femmes savantes » có tư tưởng thích hợp với trí ý của

người Việt-Nam, lại văn-chương thanh tao, nghĩa-lý thâm viễn, có nhiều câu đáng làm cách ngôn tục-ngữ, nên ông cặm cụi dịch ra quốc-âm, dịch kỹ lưỡng theo lối văn-vân 7 chữ thường kêu là « kịch bằng thơ » và đề tựa là : « Đàn bà thông thái ».

Tác-phẩm của ông Nguyễn-ngọc-Ăn sẽ có ảnh hưởng tốt đẹp cho gia-đình, cho phụ-nữ, cho văn-học, cho luân lý lại rất hợp với chủ-hướng của tờ báo chúng tôi, nên chúng tôi sẽ xin xuất bản đề cống hiến cho đồng bào. Nay chúng tôi trích đăng lần một đoạn sau đây để các bạn đọc thưởng thức.

Dàn bà thông thái

HỒI THỨ II — LỚP THỨ 7

Lý-San (Chrysale) nói với Bê-Ly (Bélise)

Anh riêng ngỡ cùng em việc ấy,
Nói lời-làm một chút em hèm,
Mà xét trong tánh-nết của em,
Việc làm-lỗi lạ-lùng thái-thậm.
Mấy cuốn sách thường thường em sắm,
Anh thiệt là chẳng thích ở đâu.
Trừ cuốn cao anh để gối đầu, (1)
Em nên đổi đồ vô-ích đó.
Đề cách-vật ông nghề cái-cọ,
Em khá lo dọn trống chỗ này.
Đẹp ông dóm coi bộ quá gây,
Đồ lục-cục khuấy mà phải ngớt.
Đừng đi kiếm trên trần gì sót,
Ràn mà lo chút việc nhà em ;
Ở đó thì chi cũng lèm-hem,
Chúng ta thấy nghĩa-nghiêng lang-tạ.
Vi nhiều lẽ, phụ-nhơn nan-hóa,
Học nhiều đều, thạo lắm chẳng nên.
Tập tánh con ăn ở cho hiền,
Bề nội-trợ, sai người, kiêm-diêm ;
Chờ xuất-phát, rành câu liệt-kiểm ;
Đó phụ-nhơn phải học phải hành.
Ông cha ta hồi trước rất rành ;
Trong việc ấy người thường hay nói :
Bề phụ-nữ học dà đủ giỏi ;
Khi biết quần với cũn khác sao.

Mấy bà xưa có đọc chút nào,
Mà ăn ở chẳng ai hơn nữa.
Người bàn-luận chẳng qua nhà cửa ;
Sách của người là chỉ với kim
Thường để dùng mà dọn trang-liêm
Cho con gái của người khi ấy.
Nay phụ-nữ tánh-linh khác vậy ;
Họ rất ham làm sách đưng tên.
Chẳng khoa chi họ chịu diêu-huyền,
Mà đay họ còn hơn chỗ khác.
Đều nhiệm mấy họ hay răng-rác,
Thống mọi đều, trừ việc nên thông.
Họ ở đay rõ chuyện bao đồng,
Đường từ-hừ chạy-sao, rành hết :

(Coi tiếp qua trương 14)

(1) Dịch ra « Trừ cuốn to anh ép dài-bầu » đúng hơn; nhưng uế người mình không có dùng dài-bầu áo (áo dài). Câu thế sẽ do có ý mỉa-mà, bày ra rõ-ràng tâm-linh chú-Ba-hệ-Địa. Có chuyện vui này: cường-khả tôi nhà quen, lúc chủ nhà đi khỏi; anh ta ngồi buồn-buồn kể cho mượn sách. Dem cuốn nào lại anh ta cũng chế-tháp. Đưa nhớ thất-kích chẳng biết sức học anh ta tại đâu. Rồi rồi nó đem lại một cuốn gì to lắm-khách vừa lòng, liền lấy sách gối đầu làm chơi rồi ngủ.



— Anh ăn tiền chờ sức-vật bao nhiêu ?
— Bà phải đóng 10 đồng cho hai con chó này. Tôi tha bà tiền, chó bỏ chết.

TRONG ĐIỀU NGHỆ

Trong những số N.K.T.B. 47 ngày 12 Acút 1943 và 59 ngày 4 Novembre 1943, quý ông Mã-sanh-Long và Quang-Phong đã có bàn về vấn đề Âm-nhạc rồi.
Nay chúng tôi ước nghe thêm một tiếng chuông nữa do ông Trinh-vuộc-Plương đánh lên trong bài này, chúng tôi đăng cho quý độc-giả tùy xét.

HQA-Sĩ dùng màu sắc để tả cảnh. Văn-sĩ, thi-sĩ dùng văn xuôi, thi phú, để ghi nỗi khúc-mặc ở lòng người.

Nhạc-sư dùng âm-điệu vào hai công việc đã kể trên. Âm nhạc có thể tả cảnh tượng hùng tráng hay điệu tàn; có thể ghi cuộc vui vẻ, nỗi buồn lo. Một nhà phê bình âm nhạc phương Tây có cho ta biết rằng: « Âm nhạc phải biết nói ».

Một bản đờn của mấy nhạc-sư trứ danh bên Âu-châu như Schumann, Strauss có thể đem lại nỗi vui buồn cho cả ngàn thính-giả.

Ta phải biết phân biệt ra nhạc-sĩ (musicien) và nhạc-sư (compositeur de musique). Nhạc-sĩ đờn những bản của nhạc-sư tạo ra. Từ nhạc-sĩ đến nhạc-sư còn một bậc khá cao, ít người vượt qua khỏi.

Trong đám nhạc-sư, đặng mấy Schumann, mấy Strauss, là những người đã tạo ra những bản đờn bất hủ. Bên Âu, mỗi năm, những nhạc-sư tạo ra biết bao nhiêu bản đờn mới, nhưng mà những bản đờn này, thính-giả nghe ít lần đã nhàm tai, rồi cũng như mấy đũa cơm sanh ra ẻo-uột, bịnh-hoạn, sống vất-vả trong một thời gian rồi chết yểu, không còn sót lại mấy đũa.

Sau khi xem người, ta lại găm ta, thì có đầu 1) :

Khúc đầu Hán, Sở chiến trường
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.
Khúc đầu Tư-mã Phương-cầu,
Nghe ra như oán như sầu phải chăng ?
Khê-khang này lúc Quảng-lãng,
Môi răng lưu-thủy hai răng hành-vân.
Quá-quan này khúc Chiêu-Quán,
Nửa phần luyện chúa, nửa phần tư gia.
Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa !

Âm điệu của ta chẳng qua cái phạm vi : sáu bậc, ba nam, bốn oán và một mở bản phụ-thuộc của ta quơ tạm của người Triều-châu, Quảng-dông. Trong những bài mới tạo ra gần đây có bài Vọng-cổ Hoài-lang. Vị nhạc-sư nào tạo ra bài này cũng tưởng hiểu âm-điệu lắm, nhưng sao chẳng có người nổi trí tạo ra bản khác, lại xúm nhau kéo nhằng nó ra từ nhịp tư đến tám, đến mười sáu, đến ba mươi hai, rồi đây, chẳng biết còn thêm nữa hay thôi !

Cuộc thay đổi vô lý ấy để mở đường cho người kích bát. Kể viết bài này xưa cũng từng biết chút ít điệu âm-nhạc nước nhà. Mà đến khi bài Vọng-cổ kéo dài ra thì đã đành ngồi làm thính-giả bất đắc-đĩ. Nhưng theo tôi tưởng, bài Vọng-cổ còn hay là bị bỏ mất, thì âm-nhạc của ta cũng vô-can.

Nói về nhạc-điệu tây, tôi xin dùng một thí-dụ sau này :

Trong một bản tâm-thương là « La veillée du grain », chỉ nói về tiếng đờn mà thôi, ta có thể nghe mĩa-mai, mập-mờ, do một cây « violon » và một cây « piano » không bài hát — thuật ra :

Bên xứ Sibérie qua mùa Đông, đồng tuyết lạnh lẽo. Tôi lại, trong nhà xúm xít một bên lò lửa : đàn bà dệt lụa « orge » ; kẻ trai tráng khâu yên ngựa ; người già cả thuật chuyện đời xưa cho sắp nhỏ nghe.

Tiếng « violon » kéo dài, nho-nhỏ và xa xa ; cây « piano », nhấn nhẹ từng tiếng thưa thưa. Ý nghĩa của hai cây đờn muốn nói có một bà lão đờng thuật chuyện này :

Một vị võ quan, sanh nơi nhà thường dân ở xa kinh thành. Lớn lên nhờ có tài-lực nên đặng thọ phẩm trào-đình, vua yêu quan chuộng.

Tôi khoản thành công này, tiếng « piano » nhấn mạnh nghe tựa hồ như ngựa chày sải, tiếng violon nhắc lại, lẩn-xẩn.

Đến lúc sau, rúi vì một cơ gi, vị võ quan bị
(Coi tiếp qua trang 9)

Giông Mối ở Đông-Nai thượng

(HAUT - DONNAI)

Ái tình (Tiếp theo)

HEO tục người Mối, dặng gái phải đi cưới đàng trai và bắt rề. Để con trai thật là một cái bất hạnh của chúng. Con trai, khi nhỏ là của cha mẹ, lớn lên là của người. Vì hề có vợ là hoàn toàn bị bên vợ sai khiến. Có khi đến chết cũng chẳng có dịp nào người chồng được về bên cha mẹ đẻ. Mà người vợ ấy là thế nào ? Bất luận là một đũa tàn tật, sứt mũi, theo mặt cũng nên. Người Mối rất hẹp hòi về quan niệm ái-tình. Chúng họp nhau là do ở lẽ sanh tồn mà thôi !

Cũng có khi một bên giông tuổi êm-đềm xuôi nhẹ, rừng đào đỏ ối, muôn lời chim tha thiết khúc nhạc tình, ta được nghe ngáp ngừng giọng hát của người sơn nữ da đen, đờm một vẻ khát khao thương nhớ. Trong những câu hát của bọn phụ-nhơn « liêu lười » này có nghĩa tương tự như vậy :

Em nhớ anh, tóc rung khỏi đầu
Rượu ngon em biếng uống, khối sầu này anh
biết chăng ?

Tuy là câu hát như thế, chớ chẳng mấy khi có cảnh biệt ly, chẳng mấy khi có phận sự luân-lý gì buộc người phải chiến thắng cái lòng nhờn-dục đầu ! Hề tới ngày giờ tạo hoá định thì mặt kẻ mặt, chàng cùng nàng nói với nhau những lời ạn ái.

Rồi một cuộc đời thơ mộng, trong dịp ấy, đã theo với giông nước sông, ngọn gió núi ; chỉ còn để lại cho một người đàn ông và một người đàn-bà một cuộc sanh-hạt thường ngày.

Ái tình của người cò. Đối với chúng, ái tình không giá trị bằng một chai rượu, một miếng thịt...

Xét về đoàn-thể

Người Mối, có bọn ăn thịt trâu, bò, heo,

chó mà cử thịt gà vịt, còn có bọn lại ăn gà vịt mà cử thịt trâu, bò. Bọn trên gọi là « Chao Krô », bọn dưới gọi là « Chao Kda ». Mọi Chao Krô thì thờ thần Nước, Mọi Chao Kda thì thờ thần Lửa và cả hai đều thành kính với thần linh như nhau.

Hiện nay giống Mối ở Đông-nai thượng hầu khắp đều chịu thuế má cho nhà nước và trong mỗi bọn hay mỗi xóm đều được quan trên đặt để cho chúng lên làm phó lý, xã trưởng và Tổng đê thế, thuế và giữ gìn sự yên tịnh trong làng xóm. Theo tôi biết thì xã hội Mối ở từ Đom Rê, Bà Lào, đến Dạ Nga, Giarinh ở dưới quyền của một viên Bang-tá cũng người Mối. Viên này rất có thế lực đối với các quan chức người Nam, mặc Âu phục, nói tiếng Pháp và có những đài các dịch nha, phần nhiều bắt chước y như người Nam ta vậy.

Người Mối phần đông đều lười biếng, không thích làm việc nhiều. Cái tính cầu thả và cái tri độ sơ sài không quen tính toán làm cho người Mối bị thiệt thòi về tất cả mọi phương diện.

Từ mấy mươi năm nay, người Nam đã len lỏi vào xứ Mối Đông-nai thượng làm ăn với người Mối. Về công việc làm ăn, nếu lúa má được mùa thì chẳng khi nào chúng chịu phí công đặng làm kiếm tiền thêm nữa. Chỉ trong những năm mùa màng thất bát, không có ăn, chúng mới đoàn ba lủ bảy đi ra làng Nam-ta và xin làm mướn. Tiền bạc bao nhiêu cũng được, miễn là khỏi đói thì thôi.

Theo cách mướn phu ta một ngày công ít ra cũng 1\$00 mà chúng chỉ chịu có 0\$50 hay 0\$60 mà thôi. Mà chúng chẳng nhận đủ số tiền ấy đâu, người Nam ta đưa cho chúng nào trâu cau, thuốc giấy, gạo cá và tính theo giá hàng hoá cho đủ là chúng bằng lòng.

Mai-công-Hương

và đôi liên của Phan-thanh-Giản

TRONG N. K. số 58, ngày 20 Octobre 1943, viết về miếu thờ Mai Công-Hương ở làng Nhứt-nhập, tỉnh Tân-an, chúng tôi có chép lại trong bài « Hai mươi lăm ngày đi tìm dấu người xưa », đôi liên của cụ Phan-thanh-Giản đề.

Đôi liên ấy như thế này :

*Nghĩa báo Nam-thiên, cương thượng
thường bồi cao tiết,*

Khi hiềm Tây-tặc, giang tiền do khởi nợ ba.

Sau hai chữ « Tây-tặc », chúng tôi có chừa hai chữ « Tây-sơn » và đánh số xuống dưới mỗi bạn đọc xem bài « Miếu thờ Mai-công-Hương với một chữ lầm của cụ Phan-thanh-Giản » của bạn Lê-thọ-Xuân trong tạp-chí Tri-Tân số 26, ngày 5 Novembre 1941.

Số báo ấy ra rồi, chúng tôi có tiếp được một bức thư của ông Thăng-Cang (?) hỏi về hai chữ « Tây-tặc ». Lẽ ra thì chúng tôi phải viết thư riêng đáp lại ông Thăng-Cang (?), nhưng hiềm vì ông không cho biết địa-chỉ ; và cũng có một bạn đọc khác chẳng nệ thất-công thần-hành đến hỏi chúng tôi về hai chữ đó.

Hai bạn đọc sáng-suốt và chịu khó ấy đều bảo rằng không sẵn có tạp-chí « Tri-Tân » nên nhờ chúng tôi nhắc sơ lại bài của bạn Lê-thọ-Xuân về « chữ lầm » của cụ Phan.

Còn nói đến sự đổi chác vật liệu thì mới là thậm hại nữa : chúng đưa ra con gà đáng giá 1 \$ 00 để nhận vài tờ muối chỉ 0 \$ 20 hay là 0 \$ 30 ; một con heo đáng 20 \$ để đổi một cái áo vải có màu cho chói chỉ đáng giá 10 \$ là cùng. Thế mà chúng mừng như bắt được vàng đó !

Giữa sự sống chung của hai giống người mà có hai đầu óc ấy, cái phần thắng-lợi tự nhiên về người mình. Chúng ta đã chinh phục được chúng từ vật chất đến tinh thần !

(Còn tiếp)

THÁI-HỮU-THÀNH

Đề tạ lại bài bạn đã có lòng yêu hỏi tới và có óc tìm hiểu rõ một điều ngờ, đầu là một điểm nhỏ, chúng tôi xin đáp chung trên tờ N. K. này. Như đó biết đâu không giải ngờ luôn cho một vài bạn đọc khác cũng đang băn-khoăn về hai chữ « Tây-tặc », vì không sẵn có tạp-chí Tri-Tân.

Sự không sẵn có tạp-chí Tri-Tân và không biết đâu có đề tìm xem sẽ không còn nữa nếu ta có một thư-viện Việt-Nam tàng-trữ đủ các sách và báo chí chữ quốc-ngữ.

Theo sự tích ông Mai-công-Hương thì người đực thuyền lương tuần tiết trong năm Ất-dậu (1705) khi binh ta đánh nhau với binh Xiêm do vua Mên-Nặc-ông-Thâm viện sang để chống lại Nặc-ông-Yêm đã chạy sang Gia-định cầu cứu.

— Còn anh em Tây-Sơn khởi nghĩa năm Mậu-thân (1788), nghĩa là 83 năm sau.

Vậy hai chữ « Tây-tặc » trong đôi liên của cụ Phan đề miếu thờ ông Mai-công-Hương, không thể chỉ anh em Tây-Sơn được.

Nhưng chúng tôi lại chưa rõ ràng là « Tây-Sơn » vì ngụ ý tránh ngay cho bạn đọc một sự hiểu lầm khi liên-tưởng đến đoạn sử cận-đại và vì chúng tôi dựa theo bài báo đã nói trên của bạn Lê-thọ-Xuân.

Theo bạn Lê-thọ-Xuân thì :

« Tương truyền rằng sau khi ông Mai-công-Hương chết, chôn ở đây (nơi giáp mối nước của hai con sông Vàm-cỏ-Đông và Vàm-cỏ-Tây) thường nổi lên những sóng thần « ghê-gớm, ghê-thuỳen qua lại phải nhang đèn « cúng vái để cầu được bình an.

« Một khi cụ Phan-thanh-Giản có việc đi ngang qua đó, thì trạo-phu quen lệ xin ghé vào. Như thấy miếu vô-tôn-nghiêm, cụ Phan « hỏi han sự-tích, rồi đề đôi đối trên kia.

(Coi tiếp qua trang 14)

VĂN THI

I Thạch-Động đêm trăng

(Tặng bạn xưa)

Quanh-quê chuông khuya động-dã truyền,
Thạch-bán nhẹ gót chốn đào-nguyên.
Đờn linh ai dễ so giá (tục ?)
Động củe chùng lần bóng tiên.
Mến cảnh thanh trăng gieo bến nguyệt,
Đợi người gió liễu vén màn hiên.
Đêm-trường nhành quế mùi hương đượm,
Thức sạch trần tâm, rạng đức thiền.

II

Cảnh ruộng buổi nhàn

Gầm trong phù-qui, mắt xem thường,
Phĩ bấy lương-diên rộng g kỳ-cương.
Mặt nước đưa xa mùi thế sự,
Đồng sen phong kín nếp văn chương.
Song hồ mở rộng đường thanh-khí,
Cánh én đưa về bạn quê-hương.
Bên luống trúc-bình vầy ngũ-cốc,
Bèo mây tác-hợp chầu quỳ-ni-trương.

LỘC-DIÊN.

Hải thương

Ài sung sướng hầy thương giùm những kẻ ;
Còn không cha, thiếu mẹ, chẳng gia-đình ;
Sống trên đời số kiếp phải linh-dinh,
Sao chịu nổi khi đôi lòng, rét mướt ?
Tương lai sáng-chúng chẳng thêm mong ước,
Với thời gian dẫn-dắt nặng nề trôi,
Đề kéo dài kiếp sống cứ lời trôi ;
Thêm đau khổ mỗi khi đời trống vắng.
E một ngày kia, lịnh hồn bay bổng,
Chỉ còn chừa xác chết lại cho đời ;
Của bụi trần ác độc đã kéo lôi,
Vào cõi chết, than ôi ! vào cõi chết.

TRẦN-THẮNG.

E. M. Hué

I Thú văn chương

Cái thú chơi văn vốn sẵn đà h
Của trời riêng đề, há ai trah h l
Bồi lem giấy trắng vái câu hảo,
Tiêu tán này xanh mấy vạn bình.
Cung kiếm đã dành không phải n, h ếp,
Bút ngh'ên thời chỉ biết riêng m l
Mong sao con cháu ngày sau đượ c,
Cũng vô cũng vẫn mới lập thành.

II

Phú đắc : « Thuận vợ thuận chồng, Tát bề đông cũng cạn »

Ở đời thuận thảo vợ cùng chồng,
Tát cạn như chơi vũng bề đông.
Lựa chỗ chọi gàu đầu ngai k'ó,
Be bờ đắp đập quản chi công.
Chàng tna gắng gổ bên gan sắt,
Thiếp há thờ ơ lạt chữ đồng l
Vẹn đạo xướng thỳ em mọi việc,
Giang san coi nhẹ tựa lông hồng.

HẢI-NGÔ.

Đêm buồn dạo vườn hoang

Thao-thức canh chầy dạ thiết tha,
Giải sầu rảo bước đến vườn hoa,
Buội thông gió thổi cây hoang-hoại,
Nhành liễu sương sa lá hoại-hòa,
Bóng nguyệt lơ-mờ in đáy nước,
Ngọn đèn leo-lét đợi bên nhà.
Rào hư cây ngã ai vung quên ?
Khắc-khoải đêm trường liếng để ca.

M. TỊNH-ĐẾ.

Cái vấn - đề quan-trọng này đã được nhiều phen nêu lên trên mặt báo. Nện ở đây, tôi chỉ muốn trình-bày một điều nhận xét của tôi về

THANH - NIÊN DIỄN ĐÀN

GIÁO-DỤC

cách giáo-dục của gia-đình. Điều nhận xét ấy do ở tâm-lòng và địa-vị thanh-niên của tôi; tôi mong rằng nó sẽ đưa đến một vài ý-kiến cho những người đang có phận-sự nuôi-nấng con và cho các bạn sắp có con để nuôi-nấng.

Sinh con ra, lo cho nó ăn no mặc ấm; thoát-tiền dạy nó biết lễ-phép đối với cha mẹ ông bà, đối với bà-con hàng-xóm; kịp đến khi gởi nó tới trường, góp công với học-đường dạy nó những hành-vi của một đứa học trò tốt; rồi đến khi nó thôi học giữ-gìn cho nó tránh khỏi cờ-bạc, rượu-chè, hút-xách, đàng-diếm; người ta cho rằng đã trọn phận-sự làm cha mẹ rồi - mà vị tất, bao nhiêu người làm cha mẹ đã được như thế đối với con? Ở vào nhà gia-giáo hơn, đứa con sẽ được hưởng thêm những lời khuyên-răn đạo-đức, như: « phải có lòng rộng rãi », « tánh hiền-lương »...

Tóm lại, hầu hết những người làm cha mẹ chỉ dạy cho con cách sống với đời; còn cái chỉ-hướng của đời đứa con, tức là cái ý-nghĩa làm chủ-động cho cuộc đời nó, thì không mấy ai đề ý đến.

Những người sống không chỉ-hướng là những người thấy cuộc đời mình bị những sự đòi-hỏi phức-tạp của việc cần dùng vật-chất: đời họ chỉ có thể vô-mãi-mãi như thế. Họ quay-cuốn chung-quanh sự ước-ao này rồi đến điều mơ ước khác; rồi cuộc, họ không làm nên được công-trình gì. Đó là một phần trong số thanh-niên mới tách xa cha mẹ để sống cuộc đời tự-lập.

Một số thanh-niên khác nhờ ở sự cảm-hóa của một câu chuyện, một học-thuyết hay một phong-trào, nên quan-niệm được một chủ-nghĩa rõ-rệt và lấy đó làm chỉ-hướng cho đời mình. Đó là phần ít. Phần nhiều họ lại là những người « bất-đắc-dĩ » hoặc là « dụ-dự » rồi chỉ làm theo một sự phấn-khởi nhất thời, nghĩa là rốt cuộc cũng ra những người không chỉ-hướng.

Các thanh-niên này không thể đeo đuổi lâu-dài theo chỉ-hướng của họ, là vì họ thiếu

những tánh-khí cần-thiết trong sự thật-hành chủ-nghĩa đã định cho đời họ. Các tánh-khí ấy không phải do nơi một cái ý-thích tạm-thời nảy sanh ra được; nó là

công-trình của một sự đào-luyện châu-đáo và bền-bĩ.

Đề mặc họ với chỉ-hướng của đời họ, thanh-niên hoặc không tìm được nó, hoặc tìm được mà không có những tánh-khí phù-hợp để đeo-dõi theo nó. Vậy, đối với chỉ-hướng của đời ta, ta còn phải cần dùng đến một sự ung-đúc không do nơi ta. Sự giáo-dục mà ta nhận-lãnh nơi gia-đình.

Kể làm cha mẹ, khi cho ra đời một đứa con, cần nhận-thấy cái ý-nghĩa của đời đứa con mình, để tập rèn những năng-khiếu của nó trong phạm-vi ý-nghĩa ấy. Cha mẹ tự-quyền chỉ đường cho con mình đi, một cách rõ-rệt, rồi khắc sâu quan-niệm của mình vào đầu- óc con, tập cho nó có được tất cả những tánh-khí cần-thiết vững bền trên con đường ấy.

Từ khi đứa con còn thơ-ấu, vừa biết nói, cha mẹ đã có thể tạo ra nơi trí-óc non-nớt của nó một ý-nghĩ về tương-lai, bằng cách dạy nó trả lời câu hỏi: « lớn lên con sẽ làm gì? » Những mẫu « chuyện đời xưa » của bà mẹ thuật cho đến những quyền hình, những món đồ chơi đều ảnh-hưởng đến quan-niệm về tương-lai của đứa trẻ và là những cách cho cha mẹ dùng để đào-luyện chỉ-khí của con mình. Các đức-lãnh cần-thiết cho sự thực-hành chủ-nghĩa của đời đứa con phải có gốc-rễ ngay ở trong thời-kỳ này.

Rồi đến giai-đoạn quan-trọng. Những ảnh-hưởng mà đứa con thọ-lãnh nơi trường và ngoài đường có thể xóa bỏ tất cả các ý-nghĩa về tương-lai do cha mẹ đào-tạo từ ngày còn thơ-ấu thì cha mẹ nên tiêu-trừ cho sớm. Lúc nó đã biết suy-nghĩ, biết đọc và những quyển sách, có những người bạn để gần-gũi, trao đổi ý-kiến, chính lúc ấy, cha mẹ phải bảo-tồn cái chỉ-hướng mà mình đã định cho đời con mình nhiều hơn hết. Những lời khuyên, những tấm gương cảm động sẽ buộc chặt đứa con vào với con đường đi đến mục-dịch định sẵn cho đời nó. Một sự kiểm-soát kỹ-lưỡng về sự giao-thiếp của con, về

những cách đào-luyện tinh-thần đứa con sẽ tránh cho nó những ảnh-hưởng không hay.

Song, nếu nuôi-nấng một chỉ-hướng nơi đứa con, rèn-luyện bền-ngã của đứa con thế nào cho phù-hợp với chỉ-hướng, ấy là một việc làm dài hạn, và rất công-phu.

Đối với bền-ngã của đứa con, cha mẹ chỉ có quyền rèn-luyện, chứ không có đến quyền sáng-tạo. Lại nữa, gặp nhiều hoàn-cảnh, cha mẹ không thể hoàn-toàn châu-đáo trong sự trông nom giữ-giữ con.

Chỉ-hướng cha mẹ lựa-chọn cho đời con cần phải có một vẻ bao-quát, làm sao cho gặp cảnh đời nào, với địa-vị nào, đứa con cũng có thể hành-động theo đó được. Lớn lên đứa con sẽ có những lý-tưởng về nghệ-thuật, về địa-vị xã-hội, nhưng các lý-tưởng ấy đều lấy chỉ-hướng của cha mẹ đã định làm căn-cứ.

Vả lại, thời buổi này, trong dân-tộc ta, chủ-nghĩa quốc-gia phải là chỉ-hướng cuộc đời của tất cả chúng ta. Chủ-nghĩa ấy phải nhờ gia-đình đào-tạo, gia-đình chăm-chất, bằng cách rèn-luyện cho những đứa con, các tánh-khí phù-hợp với nó.

Như thế, đào-tạo nên một đứa con có chỉ-khí, công-ơn của cha mẹ đối với con thật là « như núi Thái-Sơn », mà đối với tương-lai nói-giống, đối với vận-mạng nước nhà, kể làm cha mẹ cũng sẽ làm tròn phận-sự.

Ái là người thiết-tha với tương-lai chung-tộc, với tiên-đồ của quốc-gia, thiết-tưởng với cái bền-phận cao-qui của người làm cha mẹ trong sự đào-luyện cho con có chỉ-khí của một người biết thương nước, cũng đủ để tỏ tấm lòng tha-thiết ấy rồi! THANH-BA



Agents Exclusifs: BOY-LANDRY

Trong điệu nghệ

(Tiếp theo trang 4)

cách chức nên ngại buồn bã, cõi ngựa trở về cố-thờ.

Trong khoảng thất bại này, tiếng « violon » trầm xuống, tiếng « piano » nhẩn nhệ và lời lén, tựa như tiếng vỗ ngựa từ từ chạy về nơi thôn dã. Cảnh đồng ruộng hiện ra trong trí ta, có tiếng như những khí nghệ của nhà nông khua động, như người đương đợt lúa, rồi kể dứt.

Tiếc rằng ngòi bút tôi không đặng linh hoạt để tỏ cho hết cái cảm giác khi nghe bài ấy.

Đó là một bản thường của phương Tây.

Còn nhạc điệu phương Đông của mình khi xưa, gấm ra cũng « biết nói » như vậy. Bà-Nha đơn và trống trên núi cao vọi vọi, cùng là để trí ở chỗ sóng bủa ba đảo, thì hạn tri-âm là Tứ-Kỳ nghe qua đều biết được cả.

Người mình vì quá khiêm-nhượng nên không dám tưởng rằng nếu rán sức thì một ngày kia điệu đơn của mình cũng có thể so-sánh với các điệu khác, bất luận Đông hay là Tây.

Nhạc-sư ta có quyền và có phận sự tạo ra nhiều bản mới cho hợp điệu của ta, chứ nên « chụp hình » hay là « nhái » theo điệu Âu thì không hay vào đâu mà lại làm trò cười cho những người rành điệu.

Không có chỉ quái gỡ bằng nghe những bản Tây mà hát bằng tiếng Annam!

Những bản ấy người ta viết cho « piano », « violon », « mandoline », « guitare » chứ chẳng phải để dành cho tranh, kim, cò, độc huyền đâu!

Vậy ai là người có kinh-nghiệm, hãy xưng tên chấn hưng Âm-nhạc nước nhà. Muốn vậy, phải biết từ địa-vị nhạc-sĩ bước qua địa-vị nhạc-sư đặng tạo ra những bản đơn cho phù hợp với sắc-lệ bản xứ.

TRINH-VUOC-PHƯƠNG



Hãy đọc và cò - động cho Nam-kỳ tuần báo

TRONG N. K. T. B. số 59 có bài « Viếng cổ hương » của Thứ-Tiên nữ sĩ dịch theo nguyên-văn của Chateaubriand.

Trong nguyên-văn có một đoạn nhà danh sĩ nói tới những căn phòng chứa đầy kỷ niệm những ngày còn thơ. Ông nói tới chỗ mẹ về trời, nơi cha tình-đương và chỗ này sanh mới tình tri-kỷ với một người chị thân-yêu.

Đoạn này Thứ-Tiên nữ sĩ dịch hay lắm. Tôi xin nhắc lại :

Rảo xem khắp cả mấy phòng
Chỗ xưa từ-mẫu non bông xa chơi.
Chỗ phụ-thân nghĩ ngợi hóm sớm,
Chỗ ta nằm chấp chồm trong nôi,
Chỗ ta cũng chị đứng ngồi,
Kể tình hữu-ai những bồi ngáy thơ.

Chateaubriand có hết thấy bốn chị, nhưng ông chỉ nhắc tới có một người, vì chính người đó đã hiểu biết ông trước mọi người, đã thương yêu ông hơn mọi người, đã ảnh hưởng tới tâm-hồn tinh-cảm của ông và hướng-dẫn ông theo văn nghiệp ngay từ buổi ngày thơ. Người chị đó là Lucile-Angélique mà người ta hay gọi tắt là Lucile. Lucile hơn René bốn tuổi và là người chị nhỏ nhất của chàng.

Ngay từ ngày mới ra đời, nàng đã bị song thân rả rúng.

Khi bà mẹ có thai ai cũng trông thêm một cậu con trai nữa, nhưng nàng lỡ sanh ra nên nàng không được hoan nghinh xứng đáng.

Người ta cho nàng bận đồ rách, đồ thừa, người ta bỏ nàng bủ lủn, bù lủn, và sau khi René ra đời người ta cố gắng nâng nấng « đồ chơi » cho cậu con cưng.

Lucile tận-tụy với em. René quẩn-quít với chị. Tuổi càng lớn, tình càng sâu, hai chị em thành hai bạn thiết. Ngang tàng sẵn tánh, René luôn luôn bảo hộ và binh-vực chị mình.

Hai chị em cùng học với mấy bà phước. Thấy chị bị rầy em lập tức xông vô cào bà phước như một con gấu con. Một ông thầy khác lấy thước kẻ những ngón tay xưng vũ vì nứt lạnh của Lucile, René cũng nhào đại vô binh-vực.

Lucile thêm tuổi thêm nhan sắc nhưng đó là một thứ nhan sắc lạnh-lùng buồn thắm, biểu lộ một tâm hồn đa-cảm, đa-sầu.

Chateaubriand tả nàng như sau này :
« Chị tác lớn, đẹp lắm, nhưng nghiêm.
« Mặt chị xanh, tóc chị dài và đen. Mắt chị

« dăm-dăm nhìn không-trung hay lơ-dàng
« ngó quanh mình, khi buồn thắm lúc hân-
« hoan. Dáng đi, giọng nói, tiếng cười và toàn
« thân đều tiết ra một cái gì như mơ-mộng và
« đau-khổ ».

Một chỗ khác ông còn nói :

« Tôi đã thấy chị một cánh tay đỏ đầu đứng
mơ-máng bất động và bất tỉnh như một pho
tượng cổ. Đời sống của chị thấm hết vào trái
tim, không còn thấy lộ ra ngoài và ngực của
chị hầu như không muốn thở. Với cái đáng-
điều đó, với sự buồn thắm đó, với cái nhan-
sắc đó, chị giống như một thần nữ thế-trương ».

Yêu chị, René yêu luôn tánh tình của chị vì chàng cũng cảm thấy ở chàng một tâm hồn tương tự.

Chàng nói :

« Đời sống của chúng tôi ở Combourg làm
« nảy nở sức phát-triển của tuổi tác và tánh
« tình, ở chị tôi vậy và ở tôi cũng vậy. Cho
« được giải khuây, chúng tôi thường song-song
« du-ngoạn ở trên đường lớn; mùa xuân thì

Tình chị em,

« đi trên thảm hoa-xuân, mùa thu thì đi trên
« xấp lá rụng; mùa đông thì đi trên tuyết
« trắng có vết chun thêu của chim, của sóc,
« của chồn. Nhỏ như hoa xuân, buồn như lá
« rụng, trong như tuyết mới, chúng tôi thấy
« có chỗ tương-đồng giữa mình và những cuộc
« giải-khuây ». (1)

Đó là những câu văn viết về sau nhưng chính là đề tả thuật cái cảnh đời sống ở quê nhà hồi chị hai mươi mà em mới mười sáu.

Hai khối óc đầy mơ-mộng, hai tâm hồn linh động giữa cảnh có-tịch vô-liêu, chị em cũng say sưa với những màu sắc, với những thanh âm ở trong vườn tạo vật, nên cả hai đều nảy sanh ra biết bao nhiêu thi-cảm thi-tình.

Chị lớn hơn, cảm sâu hơn nên viết cao hứng và nói với em rằng : « Em phải vẽ những cái đó »

(Tu devras peindre cela).

Nghe lời chị René cảm thấy một tâm trạng phi thường mà chàng đã diễn tả như sau này :

« Lối đó như là một giác ngộ thịnh-linh.
Tôi cảm như sống một đời mới, một không
trông trái mình mong hầu lấy được ở tâm-
hồn. Tôi không biết luồng gió thần tiên nào
đã thổi qua tôi. Tôi hấp hẹ đọc những vần thơ
cho nó là tiếng nói tự nhiên của tôi vậy. Hết
ngày lại đêm, tôi ca hát những phong thú của
mình, ngợi ca là những đời nou, rime ti âm ».

Từ ngày đó Chateaubriand đã thành nên một nhà thi-sĩ. Chàng đem ni ững điều mắt thấy tai nghe, làm cảm, tình hoại, diễn thành văn, thành điệu. Chàng làm thơ.

Chàng mời chị làm theo. Rồi hai chị em cứ đua nhau bồi đắp biết bao nhiêu tờ giấy trắng.

Chàng nói :

« Hết ngày này qua ngày khác chúng tôi hỏi
ban nhau và đưa cho nhau xem những cái đã
viết rồi và những cái đang tính viết. Chúng
tôi hiệp nhau lại để làm những véc chung ;
đưa theo sở thích tương đồng, chúng tôi dịch

Nguồn thi cảm

những đoạn hay nhất và buồn nhất của Job và Lucrece ».

Chàng còn nói :

« Tư-tưởng của Lucile thuần là linh cảm
hết. Ở linh-hồn của chị, chúng nó đi ra một
cách khéo khôn. Nhưng tới khi chị đã điền đạt
được rồi, thì thật là tuyệt diệu. Chị đã để lại
lối ba chục trương giấy viết, mà hề đọc tới thì
không thể nào không cảm-động sâu xa. Cái vẻ
trang nhã, cái vị ngọt ngào, cái hương mơ
mộng, cái linh thiêng tha ở những trương giấy
đó chừng nhận sự phối hiệp giữa hai linh thần
Hy-Lạp và Nhứt-Nhi-Man ».

Lời em khen chị có thể là lời quá đáng, nhưng cần hóa được một thiên tài lỗi lạc như Chateaubriand thì tất phải là một bạn nữ-lưu Cao-đẳng (une femme supérieure).

Bạn nữ-lưu cao-đẳng đó đã sống một cuộc đời đầy khổ não.

Tới 32 tuổi nàng mới lấy một ông già 70, và sau đó nửa năm thì nàng góa chồng. Rồi từ đó, khi ở với em, khi ở với chị, khi ở với bạn, nàng chỉ sống để đau thương, sống cùng phiền não, và chẳng mấy khi được nếm mùi hạnh phúc ở thế-gian.

Nhưng mỗi lúc buồn thắm nàng lại an-ủ bằng tình au-vếm của em và biên thơ cho em để hả hót cơn sầu.

Nàng viết :

« Giữa trăm ngàn đau-khổ có một tư-tưởng
« êm-ái bay lên, đó là tư-tưởng về lòng em
« yêu chị, chị sống trong kỷ-niệm của em, như
« lòng Trời muốn vậy.

« Em ơi, bạn ơi, ở trên đất này không có chỗ
« nào chắc-chắn cho chị hơn là ở trong lòng
« của em... Tình hữu-ai chị đối với em tự-
« nhiên phải có : từ hồi nhỏ em đã là người
« binh-vực cho chị, là bạn của chị. Em chưa
« làm cho chị phải chảy một giọt nước mắt và
« không một người bạn nào của em mà chẳng
« thì nh bạn của chị. Người em thân yêu của
« chị ơi ! Trời muốn phá hết cả những hạnh-
« phước của chị, nhưng còn muốn giữ lại cho
« chị một hạnh-phúc ở em cho chị được ký-
« gởi vào tâm-hồn của em vậy ».

Đáp lại tình thương của chị, Chateaubriand cũng châu áo ân-cần. Chị thất-vọng thì ông an-ủ. Chị đau-khổ thì ông vỗ-vỗ. Chị binh-hoạn thì ông săn-sóc. Nhưng tới khi chị hấp-hối ở Paris thì ông lại vắng mặt vì ngay lúc

(1) Tôi tưởng nên đề nguyên-văn đoạn này cho độc-giá được thưởng-thức cái óc tưởng-tượng phi-thường và cái thi-vị ở văn xuôi của Chateaubriand. Tuy bà: đây điều à bằng thơ, song những vần thơ đó không xứng đáng với những tác-phẩm bằng thơ của nhà danh-sĩ mà thiên-hạ thường gọi là thi-sĩ bằng văn (poète en prose). Đoạn văn này có thể cho là một kiểu-mẫu văn-chương của bậc thiên-tài đó :

« La vie que nous menions à Combourg, ma sœur et moi, augmentait l'exaltation de notre âge et de notre caractère.

« Notre principal désennui consistait à nous promener « côte à côte dans le grand mail, au printemps sur un « tapis de primevères, en automne sur un lit de feuilles « séchées, en hiver sur une nappe de neige que brodait « la trace des oiseaux, des écureuils et des hermines. « Jeunes comme les primevères, triste comme la feuille « séchée, purs comme la neige nouvelle, il y avait « harmonie entre nos récréations et nous ».

(Mémoires d'Outre-Tombe)

Savon VIET-NAM
Tốt nhất

đó ông còn phải săn-sóc cho vợ ông cũng thập-tữ nhứt-saub ở một nơi khác.

Ông lấy sự đó làm ân-hận vô cùng và ông đã khóc chị bằng những lời thống-thiết. Giữa những hàng lệ thương tâm, ông còn không quên lời ca-tụng. Ông nói : « Chúng tôi đã mất một « cái linh-hồn đẹp-đẽ tuyệt-vời, một cái tài-trí cao-thượng vô-song ».

Nhưng cái linh-hồn đẹp-đẽ đó đã truyền sang cho ông nhiều lắm. Còn cái tài-trí cao-thượng kia chính là cùng đúc một lò với cái tài-trí của ông vậy.

Song ở một người đàn ông tài-trí đã gặp nhiều thuận-địa. Nó có nhiều cơ-hội để trau-dồi có nhiều năng-lực để nảy-nở, nên nó đã kết-tinh ở những công-trình bất-hủ làm về-vang cho Pháp-quốc và làm danh-giá cho loài người. Tôi muốn nói đến văn-nghiệp của em bà Lucile là ông René Chateaubriand, nhà văn tiền-tuyến của phong-trào lãng-mạn, tác giả những sách : Atala, René, Génie du Christianisme, Mémoires d'Outre-Tombe, v. v.

THIẾU-SƠN



Ch. Côté

- Ch. Côté Hàng-Vương thứ nhì là ai ?
- Hàng-Vương thứ nhất.
- Cha của Hàng-Vương thứ nhất ?
- Hàng-Vương Giê-rô-ni.

THO' NGU-NGÔN

Cây gòn với cây bông vải

Cây gòn sai trái lớn tàn,
Cùng cây bông vải khoe khoang tác mịch;
Cây bông vải chẳng vị tình,
Đáp rằng : « Tôi chẳng vị tình thấp cao.
Nhưng mà xét kỹ trước sau :
Ở đời phẩm lượng món nào trọng khinh ?
Bông anh nhiều mấy mặc tình,
Bông tôi để dệt, bông anh để dôn » !

Dây tiêu với dây trâu

Dây tiêu xin với chủ vườn
Đời tiêu trong dạ mẹ mường gần trợn ;
Chủ vườn nghe nói lắc đầu :
« Phân mình thấp thôi chớ cầu cao sang.
Người ta thanh lịch tươi vàng,
Còn mình xấu xí vị cặng cay eo.
Gần người sang cả nặng lo,
Phân mình mình giữ so đo chúng cười ».

Cục than lửa, đứa con gái với ông bác-sĩ

Một ông bác-sĩ ngồi nhà,
Có con gái nhỏ qua mà xin than.
Ông rằng : « Châu lấy gì sang ?
Tay không mong lấy lửa than được nào ? »
Làm thỉnh đứa gái ra sau,
Một hồi lại thấy quay đầu trở ra.
Trên tay lửa cháy sáng lòe,
Dưới than tro nguội lốt mà kỹ càng.

TỔ-PHANG (Tây-Đô).

Bằng giá, song chắc, tốt, đẹp bằng mười
ghế xích-đu

Ghế xếp hiệu

toàn bằng gỗ,
bổ tàn thời, nhẹ
nhàng, đem đi
rất tiện.



Xưởng đóng : 149, Route Coloniale
N° 1 Giadinh

Đề bán tại : Hãng Charner, — J. Linh, Nguyễn-
văn-Trần, và « Au bon Accueil, 15 Bd.
Saintenoy, Căntho. — Mua sỉ do : Công-Minh.

ĐỀ GIẢI TRÍ

Cấm ba câu hỏi

Phải chăng Trung-quốc là lãnh thổ của nhiều chuyện ly-kỳ, quái lạ cùng là hoang đàng, không ai biết đầu tìm ra căn-do, mặc dầu nhiều chuyện ấy đã có dính dấp với quốc-gia sử-ký Tàu, như chuyện « ly-miêu hoán chửa » đời nhà Tống là một.

Cũng ở trong một trường hợp tương tự như thế, người Tàu thuật chuyện sau này :

Đời nhà Thanh, người ta cấm ba câu hỏi : (Thanh triều hữu tam bất vấn) : « 1° Thái-Tổ chôn tại đất nào ? » (Thái-Tổ táng hà địa ?) ; « 2° Cống-chúa gả cho ai ? » (Cống-chúa giá hà nhơn ?) ; « 3° Trong cung, lễ thần nào ? » (Cung nội lễ hà thần ?).

Dẫn giải câu hỏi thứ nhất :

Đời vua Thuận-Trị người ta có đảo được trong vùng ngoại ô Bắc-kinh, một khẩu súng thần-công lớn, không biết ở dưới đất từ đời nào ? Hay được tin này, vua Thuận-Trị ngự đến xem, Vua ra lệnh cho các quan hộ-giá đốc sức quân-sĩ phá ra coi thử. Các quan, quân đều dụ-dự, ra tuồng sợ e súng nổ, Thiên-Tử nổi-giận, hồn thân lại đứng trước miệng súng và trườn lình bảo đập, phá lập-tức cho vua coi. Quân-sĩ chẳng dám chậm-trễ, kẻ búa, người đục...

Một tiếng nổ như sấm-sét vang trời, ôi thôi ! long-thê hóa ra tro bụi.

Trong khẩu súng thần-công nứt ra, người ta thấy có hai hàng chữ :

« Gia-Các Không-Minh sở tạo,

« Phát xạ duy hữu Thuận-Trị Quân ».

Hễ đứng trước miệng súng đồng, thì xác-thịt còn đâu mà phỏng táng !

Dẫn giải câu hỏi thứ nhì và thứ ba.

Vị Cống-chúa Thanh-trào này cũng là một bực mỹ-nhơn có tài nhưng mà có chửa hoang. Người ta truyền rằng Cống-chúa có cái tiên-sử tương-lợ như Văn-Khương đời Chiến-Quốc, nghĩa là đã cùng người anh ruột làm loạn luân-thương. Về sau Hoàng-tử mất, triều thần không cho thờ tại nhà Thái-miếu, nên phải thờ và tế-tự trong cung. Có phải là một chuyện bịa-đặt nguyên do bởi cái lòng ác-câm của thường-dân Trung-quốc đối với nhà



Giải nghĩa chữ « Gentlemen »

Ấy là một chữ Anh thường dùng, song khó giải-nghĩa. Một tờ tạp-chí Anh có bày một cuộc thi giải-nghĩa chữ ấy. Kết-quả : người dân-giải như sau đây được chăm :

« Người nào được kêu là « gentlemen » là một người hoàn-toàn sạch-sẽ trong nhà và ngoài đường; không há miệng trước « những nhà giàu và không khinh-rẻ kẻ nghèo; biết mất học là « lễ văn mà khôn- than-van, biết có lời mà khôn- chặc-lẻ; « biết kính-trong đàn bà và người có tuổi, ở « để thương với « trẻ em; biết tự trọng tên không hề nói lảo và có lòng quân- « đại nên không « at zâm ai; tánh sốt-sắng nên chẳng muốn « khờng; biết an-huởng trọn quyền những tài-vật của mình « trên vô-tru và biết để cho người đồng lo à an-huởng trọn quyền « những tài-vật của họ ».

Ai ngồi lâu, ai mau ?

Trên tờ chế Giám-Đốc Pháp-Quốc Nhà-hàng đã ngồi được 18-vị « Gouverneurs de la Banque de France » trong một khoản 136 năm.

Ở địa-vị này lâu nhất có ông Pallain, được 25 năm; kế đó là Comte d'Argout, 21 năm; ông Magnin, 16 năm; ông Duc de Caete, 14 năm.

Người ngồi trong một thời-gian ngắn-ngủ nhất, là ông Ernest Picard : được bốn ngày nghĩa là mới vừa âm cái ghế mà thôi.

Những gà mái buồn lậu

Ở tại biên-giới Hòa-lan và Đức-Quốc, trước giặc này, có tám người Hoa-lan, bị lính Đức bắt và bị kêu án mỗi người 5 tháng tù, bởi duyên cớ sau đây :

Tám người này có nuôi cá ngừ, cá đuối, cá mập, họ cho chúng nó ăn uống bên đất Hòa-Lan, nhưng đến khi gà mái đẻ, họ tập-luyện cho chúng nó vượt qua lối ố và để trứng bên địa-phần Đức. Những bạn hàng Đức được cho hay, trừ... đến... trứng gà và... tiền cho những người... thế mặt cho chú. Như thế, họ khỏi nộp thuế Thương-chánh.

Số Thương-chánh Đức tính ra mỗi năm mình phải mất tiền thuế đánh vào một cuộc chấp-công trên 2 triệu trứng gà.



Mãn-Thanh để phi-bang người Mãn chẳng ?
Quý độc-giả ai có tài-liệu chắc-chắn hơn, xin vui lòng dẫn-giải thêm.

Nhãn

Nhà hiền triết Socrate bữa nọ bị bà vợ rầy rà khó chịu nên ông bước ra bệ cửa, ngồi và không lộ một vẻ lo âu hay buồn giận. Trước sự thần-nhiên của ông, bà vợ lại càng tức tối nên bà đổ trọn một bình nước trên đầu ông.

Kể qua đường thấy vậy cười ông.
Nhà hiền triết mỉm cười và trả lời : « Sau một cơn sấm sét, lẽ tự-nhiên phải có vài giọt mưa chớ » !

MAI-CÔNG-HU'O'NG

Dàn bà thông thái

(Tiếp theo trang 6)

« Còn theo ông T i-phủ Đào-văn-Hội trong quyển « Nam-kỳ danh-nhơn », thì lúc còn « nghỉ phép ở Bảo-thành (Bến-tre), nhưn mẹ « quan Chương-ấn Đẳng Đẳng-Phóng ở làng « Đái-nhứt (Tân-an) gần Bình-ninh mất, cụ Phan có đến viếng tang. N he quan Chương-ấn kể chuyện Mai-Công, cụ Phan ra yết miếu « và đề đối đối ấy.

« Và sau khi có đối đối này, sòng bản « không còn làm đủ nơi đây.

« Dầu sao ta cũng chắc rằng cụ Phan chỉ « nghe người ta thuật chuyện, rồi nhứt thì « đặt ra đối đối này, chớ không phải bằng vào « sử sách. Dầu sao ta cũng chắc rằng cụ Phan « đặt đối đối này trước khi cụ phụng mạng bộ « bên-tập Khâm-định Việt-sử thông-giám « cương-mục.

« Vì chỉ nghe truyền khẩu, vì đặt trước khi « lãnh chức Quốc-sử-quán Tổng-tài, nên cụ « Phan mới dùng làm chữ « Tây-tặc », để chỉ « giặc « Tây-son ».

« Chỉ « giặc Tây-son » vì hiện nay ở vùng « Nhứt-ninh, hề nhắc đến Mai-Công, ai cũng « nói là việc xảy ra về đời Nhạc, Huệ. Đến « người nhà ông Bái Cù, người có cả bài vị, « văn-lễ Mai-Công, cũng quả-qrết như vậy ». (T. T. số 26, trang 4)

Đó là thuyết của bạn Lê-Thọ-Xuân về sự cụ Phan dùng làm hai chữ « Tây-tặc » để chỉ « Tây-son ». Chúng tôi đã tạm nhận cái thuyết đó vì chưa tìm được tài-liệu cho một thuyết khác.

Tuy nhiên, chúng tôi không tránh khỏi tự hỏi lại sao hai chữ « Tây-tặc » lại không thể ám-chỉ bọn giặc Xiêm từ phía « tây » kéo sang Gia-dịnh. Và lại theo đối đối ấy thì chữ « Tây » của vế dưới rất chọi với chữ « Nam » ở vế trên ; cả hai chữ đều dùng về nghĩa phương-hướng.

Còn một lý lẽ này nữa là chuyện tích ông Mai-công-Hương có chép trong bộ « Gia-dịnh thành thông chí » của Trịnh-hoài-Đức. Cụ Phan-thanh-Giả là một người sanh sau, học rộng, chẳng lẽ lại không có đọc bộ sách quý

(Tiếp theo trang 8)

Nào Thất-chánh, Bắc-thần la-liệt,
Kim, Thổ tinh, ai biết làm chi?

Mã học xa như vậy ích gì?

Thử cái trách ở nhà hám thịt.

Là cái vật lão cần chẳng ít.

Họ không hay họ chạy sao mà!

Sắp ở tôi muốn đẹp chủ nhà,

Rộn sách vở, chẳng lo bần phận.

Cả nhà lão bòn bòn luận luận;

Bị luận bòn mà hết biết khôn.

Đưa thì lo xem chuyện tâm-rõn,

Đề thì lui ở nhà chày khét;

Đưa thì tưởng thơ về xot-xet,

Ở nhà kêu pha nước hết hơi.

Trên làm gương, dưới mặc đua lời;

Lão có tờ, mà không được đỡ.

May còn lại một con dờ-dờ

Khỏi nhiễm-truyền ác-khí hành-hung;

Ai đi người đuổi nó đùng đùng,

Vì nó nói không rành văn-phạm!

Cách điệu ấy, anh thì rất thâm,

Ở nè em, anh nói với em,

(Anh nói rồi, anh nói với em,

Chớ chẳng phải luận-luông ngời thì),

Anh không chịu mấy người nói chữ,

Nhứt cái người biểu tự Số-Tinh (Trissotin).

Chã đặt thơ xung tặng inh-sinh,

Làm chúng biết danh em cũng chớ.

Lời chã nói đờng như bấp nờ,

Văn lời-thói không chắc việc gì,

Chã nói rồi, phải hỏi nói chi?

Anh tưởng chắc phèn-la chã bề!

NGUYỄN-NGỌC-ẤN

(Trích-lục bốn tuồng « Dàn bà thông-thái » của ông Nguyễn- ngọc-Ấn dịch theo hài-kịch « Les Femmes savantes » của Molière và nhà xuất-bản Đại-Việt sẽ xin xuất-bản).

kia ; hoặc giả cụ có đọc nhưng quên chuyện Mai-Công chẳng ?

Dầu sao, đây chỉ là những tở-đoán của chúng tôi không căn-cứ vào một tài-liệu nào chắc-chắn. Trái lại, thuyết của bạn Lê-Thọ-Xuân còn có những dã-sử và truyền-thuyết làm hậu-thuần.

KHUÔNG-VIỆT



(Tiếp theo)

Mỹ ở sau vườn đi vô, một tay ôm trái dưa gàu chín nứt nõ, một tay cầm ba trái đi da vàng tươi. Nghe nó chuyện ngoài hàng ba, cô đi thẳng ra đó, thấy hai em thì nhích miệng cười và hỏi : « Đi bán được con chim nào hôn? »

Sen day lại và vui-vẻ đáp : « Có con cu đậu ngoài tre, chị hai à. Để anh ba sửa ná lại rồi tôi bầu dặng làm thịt ăn chơi. »

Mỹ cười : « Tưởng dễ à! Thôi, bán dưa, bán đi đây cho xong! »

Sen gỡ tay lấy một trái đi cắn ăn liền.

Mỹ hỏi : « Quí muốn ăn đi hay là ăn dưa, em? Như ăn dưa thì chị lấy đường cho mà ăn. »

Qui lơ-lãng đáp :

— Để em cột ná rồi sẽ ăn. Chị có dây gai chắc hơn chị hai?

— Dầu ná có.

— Tức quá, phải có dây chắc, cột ná cho cứng, mới bán tới con cu đó.

Mỹ trở vô nhà lấy đĩa để trái dưa với hai trái ổi.

Qui cột ná rồi, nhưng bản thử thì dây đứt nữa, lấy làm phiền lòng nên bỏ đi vô nhà; Sen lẳng-cẳng chạy theo. Qui lấy một trái ổi và nói : « Còn một trái đó, chị ăn đi chị hai ». Sen nói : « Cho tôi ». Qui đáp : « Em ăn một trái rồi, để trái đó cho chị hai chớ ». Mỹ lấy trái ổi đưa cho Sen mà nói : « Thôi, để cho em nó ăn ».

Qui đứng ăn ổi, mắt ngó Sen mà hỏi :

— Chị coi Sen giống em hôn chị hai?

— Giống lắm, chớ sao lại không giống.

Qui suy nghĩ một chút rồi nói tiếp : « Vậy thì chị em mình phải thương nó ».

Mỹ chồm chồm cười mà nói : « Bè nào nó cũng là con của cha. Một má, một thịt, chớ phải ở đâu mà ra hay sao ».

Sen bơ-bơ, không hiểu ý anh chị muốn nói gì, nó cười ngoài ng ần, rồi thúc Qui cột ná dặng cột bản cu.

Qui đi kiếm dây cột ná nữa rồi dắt em trở ra lộ. Con cu cắt da bay đi mất từ hồi nào, làm cho anh em Qui thất vọng, thả ngẫu-nghêu theo hàng tre mà kiếm chim khác.

Một chiếc xe-hơi đồ ở phía Trà-Vinh chạy lên. Qui nắm cánh tay Sen đứng trên lề đường mà coi xe chạy. Chừng xe chạy tới, Qui thấy có thầy nó ngồi trên xe thì lật dặt cúi đầu chào. Đứng ngó theo xe, nó nghiêm nét mặt mà suy nghĩ rồi nói với Sen : « Thôi, em vô nhà chơi với chị hai, để qua ra chợ dặng thăm thầy qua một chút. »

Sen lắc đầu nói : « Không chịu đâu. Tôi cũng đi chợ nữa, đi kiếm má. »

Không muốn làm em buồn, Qui mới dắt Sen đi ra chợ. Đi ngang qua nhà Hương-thị, Qui thấy mẹ ghe đương ngồi đánh bài tứ sắc, mới hiểu Sen ở đó chơi, rồi Qui đi thẳng lên thăm thầy nhứt ở ngang trường học.

Cách một hồi Qui trở lại nhà Hương-thị kêu Sen mà rủ về.

Thị Mùi nói : « Thôi, để nó ở đây nó chơi với sáo nhỏ của chị Hương-thị rồi chiều nó về với tao. »

Qui đi về một mí h, sắc mặt hân-hoan, vừa đi vừa hát ti. Qui hân-hoan đây thông phải vì rời đ ợc em. Không, không phải vậy, Qui hân-hoan là vì mới gặp thầy và được nghe thầy nói sẽ giúp chỉ đường cho mình đi học nữa.

Lòng thỏa thích, mặt tươi cười, Qui đi riết về nhà. Vừa thấy chị, thì Qui liền nói :

— Em đi thăm thầy nhứt của em rồi, chị hai à

— Thầy em về hồi nào mà em đi thăm? Sao hồi hôm em nói còn ở dưới Trà-vinh?

— Mọi về xe đò hồi này.

— Còn Sen đâu?

— Nó ở lại với dì ngoài chợ.

— Vậy há? Em ăn dưa hột?

— Không. Em không muốn ăn. Chị ăn đi.

— Thôi, để dành Sen về nó ăn.

— Chị hái, có lẽ em còn phải đi thị nữa.

— Hừ! Thị gì mà thị hoài vậy?

— Thầy em nói như cha chịu đóng tiền cho em học mấy trường tư trên Saigon thì tốt. Còn như cha không muốn chịu tốn hao, thì thầy em làm đơn giùm cho em gởi xin thi «buộc» vào trường Trung-học Căn-thơ mà học cũng được. Học Căn-thơ 4 năm rồi cũng thi bằng Thành-chung.

— Được há?... Rán nghe hôn em, đừng để thành yêu thành qui như lời dì nói hồi hôm.

— Chị đừng lo. Để em học cho chị coi. Em quyết làm ông này ông kia chứ không

PHƯƠNG PHÁP TRỊ BỆNH HO-LAO

Tôi có 1 phương thuốc trị bệnh ho lao của ông bà để lại hay quá. Dưa này chỉ để giúp người ở thôn lán. Nó trị bệnh nhẹ thì mau lành, còn bệnh thiết nặng như tiếng tắc, mệt và nóng lạnh liên-miên, tôi cho uống thì chỉ thấy khỏe trong một lúc, không hết; chờ con như bệnh ho chưa thiết nặng như nói trên và những chứng ho thường như: ho ra máu, ho khan, ho đàm, ho gió, ho phong vân vân thì uống mau lành lắm. Còn người bị té bị đánh động phổi tức ngực thì uống càng mau hơn. Có nhiều người dùng thầy hay, khuyến khích tôi làm ra bán khắp nơi cho ai cũng dùng được; nhưng vì phương thuốc này mắc quá nên tôi không muốn. Nay người ta khuyến khích quá và tôi nghĩ lại có nhiều bệnh tốn bạc ngàn mà không hết thì thuốc này sánh cũng không mắc gì, nên tôi làm ra và chia năm mỗi ve uống một tuần thì giá 12 \$ 00. Uống theo bệnh, uống 1 hoặc 2 hay 3 tuần thì lành bệnh.

Dùng thuốc này rồi ngoài còn phải có cách kiêng cử và lựa chọn món ăn và phương pháp làm cho phổi mau tươi nhuận bệnh mới mau lành. (Tôi có chỉ rõ trong toa). Trong hộp có hai thứ thuốc uống: 1 thứ uống nhuận trường dưới đàm trong phổi ra đại-trường; 1 thứ bổ phổi trị ho. Vậy ai muốn mua, viết thư hoặc mandat để:

Monsieur NGUYỄN-VĂN-SÁNG
Cựu Hương-giáo làng Tân-Quới
Boite postale n° 10 (CẦN THƠ)

phải làm biện làng như biện Thi, biện Hội vậy đần.

Không biết em sẽ làm ông gì, nhưng thấy chỉ em lẩn thủ, nghe lời em cương quyết, thì Mỹ rất vui lòng. Có ngồi ngó em với cặp mắt chứa chan yêu-thương, tràn-trề hi-vọng.

Người ta nói hạng trai trẻ, bề trong lòng hân hoan, thì không thể ngồi yên được. Có lẽ tại như vậy nên hồi này Qui đi rượt về nhà; mà tổ sự mừng của mình cho chị biết cũng chưa thỏa mãn, cần phải nói với nhiều người khác nữa, bắt luận là ai. Không kể phạm chị ở nhà một mình buồn, không sợ người ta chê mình khoe-khoang, Qui cảm cái na di ra lộ. Lúc bau trưa nông-phu đều nghỉ hết, lại trời vẫn-vũ chuyển mưa nên đường vàng-hoe không có người lại qua, duy có con heo nai của Cai tuần Tầm đất bay con ai trên lẽ đường, ủa cồ lên kiem trùng để mà ăn, với con chó cồ của ai chạy lằng-càng trên bờ mấu.

Qui đứng ngó mông một hồi rồi thủng-thắng đi vô ngã ba Suối-Cạn, mặc dầu trời âm-ỹ muốn mưa. Tôi quan đi Ba Thời, Qui dùng ngoài lộ ngó vô. Trong quán vàng teo. Di ba Thời nằm trên bộ vau, day đầu ra cửa, tóc bõ xả xuống đất, Hương ngồi trên một cái thùng, đương vạch tóc của mẹ kiem chỉ mà bắt. Con két đứng trong cái cồng bán nguyệt treo trên trước hàng ba, cứ câu cày mà lộn mèo.

Thỉnh-liu Hương ngó ra lộ, thấy Qui thì cười và nói với mẹ: « Anh Qui vô kia má. »

Di ba Thời xây đầu ma đom rồi nói: « Vô đây con. Mình trông nó từ sớm đến giờ, nó vô rồi đứng ngoài lộ. Ngó dữ hôn! »

Di Ba lôm-côm ngồi day hơi đầu, không cho con bắt chít nữa. Di đã 45 tuổi, nhưng nước da trắng, miệng có duyên, góa chồng đã sáu bảy năm nay, bán quán đủ nuôi sống cả mẹ con, nên mặc dầu ai găm-ghe đi vẫn để hết những lời ve-vàng ngoài tai, quyết thủ tiết với chồng cho trọn niềm, nghĩ hủ-hỉ với con cũng đủ an-ủi nỗi lòng mà vui-vẻ cùng thiên-hạ.

(Còn tiếp)

Vàng Quận-Chùa, chả Quận-Công,
Diện toàn đồ đẹp, ăn róng miếng ngon,
Gần xa nó nức tiếng đồn,
Nữ trang ngọc thạch, bánh dòn phồng tôm,
Sáng mai cho đến chiều hôm,
Quận-Công, Quận-Chùa luôn luôn chặt,
Saigon chỉ có hai nơi! 1 người.



XLV

KIẾM - BIỆP TIỂU - THUYẾT

do Thán-Văn

◆ Nguyễn-văn-Quý ◆

dịch truyện:

Le Vicomte de Bragelonne

của Alexandre DUMAS

Đức-cha bước vô, bộ-tịch thung - dung, thấy người nhà rộn-rịp xằng-vằng vì lo-sợ cho căn-bệnh của Tể-tướng, nhưng ông không lấy chí lam la.

Mazarin nói:

— Xin mời cha vô đỡ khổ cho tôi.

— Thưa ngài, đó là hồn-phần của tôi.

— Xin cha ngồi cho thông-thả, rồi tôi sẽ xưng hết các tội của tôi. Nhờ cha làm ơn ban phép giải-tội cho, đừng tội được an trong lòng.

— Thưa ngài, ngài đau chưa nặng lắm thì cần chi xưng tội... Xưng tội một lần, xin ngài chớ khinh-thường.

— Trong ý cha tưởng rằng tôi sẽ nói lâu lắm sao?

— Thưa ngài, một người có cái đời đã đầy-dủ như ngài tức nhiên phải nói dài.

— Chớ tội nhà n... Phải, câu chuyện tức phải dài.

— Thưa ngài, sự khoan-dung của Đức Chúa-Trời lớn lắm, ngài chớ lo.

— Ấy vậy mà tội đang lo-sợ về nỗi trong đời của tôi, tôi đã bỏ qua nhiều chuyện mà Đức Chúa-Trời có thể quả tội.

— Đó là lẽ-tự-nhiên, ai cũng vậy. Kể phạm tội bao giờ cũng quên trước, rồi lại lo-sợ về sau mà đến như thế thì đã trễ rồi.

— Nội một chuyện về tông-tích của tôi, người ta, thêu-dệt lắm lời, làm cho tôi phạm tội về việc ấy. Ví-dụ như tôi lăm bỏ Đức cha ở Avignon vào ngục Bastille, vì người muốn ăn hành một tờ tông-chi Casa Mazarini hết sức kỳ-hoặc.

P. NGUYỄN-THƯỢNG-HIÊN

COI TAY

và vẫn ở số nhà 251, Đường Lagrandière

SAIGON

— Kỳ-loặc nhưng mà đúng thật? Mà thời đó là một chuyện quá trí-không, người phạm-tục không sao mà tránh khỏi được. Không sao, ngài hãy nói qua tội khác.

— Đó là một tội, tội về tánh ỷ-kiêu... Còn như đời năm 1733, than ôi, cách đây đã 31 năm rồi!

— Khi ấy ngài mới có 29 tuổi.

— Phải, cái tuổi thanh-niên

máu-nóng! Ở Casal, tôi lại lăm mình vào vòng tên lửa, để chỉ cho người ta biết rằng tôi căm-bình cõi ngựa được như một vị quan võ vậy. Tuy vậy người Ý-pha-Nho và người Pháp nhờ tôi mà an-hưởng thái-bình, cho nên cái tội kia có thể chuộc được.

— Thưa ngài, theo như ý tôi, cái chuyện mang súng cối ngựa không phải là một cái tội. Đó là sở-thích của mình mà mình làm được thì càng làm vinh-diệu cho mình hơn nữa. Ngài đã ngăn được sự đổ máu, ngài đã tỏ ra người can-đảm, tôi rất khen-phục, chớ có tội chi.

— Nhưng mà còn những cái kết-quả về chuyện đó nữa?

— Kết-quả làm sao?

— Thì đây, từ ngày tôi lăm mình vào giữa hai đội binh, hửi mũi thuốc súng, xông-pha mấy vòng quán, thì chí của tôi đã chán ghét mấy vị đại-tướng. Đó, cái tội ở chỗ đó! Rồi cho tới ngày nay, tôi không tìm được một vị đại-tướng nào để chịu hết.

— Thưa ngài, chuyện ấy cũng dễ hiểu, vì ở thời bấy giờ trong nước không có đại-tướng giỏi.

— Ở, có ông Hoàng... Tôi đã lăm cho ông đao-diên, chớ chẳng phải chơi.

— Thưa ngài, ông ấy không đáng thương hại, vì ông đã có đánh lại có sự-sán.

— Về phần ông Hoàng, thời cũng không nói làm chi, nhưng còn ông De Beaufort mà tôi đã lăm khổ-sở không biết bao nhiêu ở Vincennes?

— Thưa ngài, ông De Beaufort lại khác, vì ông là một người nghịch-thần, muốn cho nước nhà vững chắc, ngài phải thi ông, nghĩa là ngài lăm hồn-phần của ngài, chớ có tội chi đâu... Xin nói qua tội khác.

